BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

của CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

kèm theo

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	03 - 04
Báo cáo kết quả công tác soát xét	05
Báo cáo Tài chính đã được soát xét	06 - 30
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06-09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc	12- 30

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu NHP (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 của Công ty.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu NHP là Doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu NHP được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106332492 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 11 tháng 10 năm 2013 và được đăng ký thay đổi lần thứ 4 vào ngày 15 tháng 09 năm 2014.

Ngành nghề kinh doanh như sau:

- Sản xuất các loại bánh từ bột; Sản xuất mỳ ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Dịch vụ phục vụ đồ uống; Sản xuất sôcôla và mứt kẹo;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Khai thác và thu gom than non; Khai thác và thu gom than cứng; Khai thác khí đốt tự nhiên; Khai thác dầu thô; Khai thác quặng sắt; Khai thác kim loại khác không chứa sắt; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Sản xuất sắt, thép, gang; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Đúc sắt, thép; Đúc kim loại màu; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Rèn đập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại; Gia công cơ khí, xử lý tráng phủ kim loại;
- Dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại; Dịch vụ liên quan đến in; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Hoạt động thiết kế chuyên dụng trang trí nội thất;
- Đại lý; May trang phục; Sản xuất hàng may sẵn; Sản xuất plastci và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh; Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Hoạt động viễn thông khác; Tư vấn môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.

Trụ sở chính của Công ty: Thôn Điếm Tổng, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106332492, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 15/09/2014 là 125.000.000.000 đồng *(Bằng chữ: Một trăm hai mươi lăm tỷ đồng chẵn).*

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lợi nhuận sau thuế cho kỳ kế toán từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 là: 6.181.676.834 VND.

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2015 là: 10.437.358.053 VND

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Xuân Nghĩa	Chủ tịch HĐQT
Ông Ngô Văn Phương	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Thị Mai Hương	Thành viên
Ông Tào Ngọc Tuấn	Thành viên
Ông Lê Hoàng Quân	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Mai Hương Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán và Tư vấn Thuế AAT đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu NHP phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 của Công ty.

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2015
TM.Hội đồng Quản trị
Chủ tịch HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP

Lê Xuân Nghĩa

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2015
TM.Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Nguyễn Mai Hương

Số: 446/2015/BCKT-TC/AAT

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 của Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu NHP

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu NHP

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu NHP được lập ngày 20/07/2015 gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 được trình bày từ trang 06 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này dựa trên cơ sở công việc soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công việc soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công việc soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính ; công việc này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công việc kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công việc soát xét của chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu NHP tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các Quy định kế toán có liên quan.

Hà Nội, ngày 06 tháng 08 năm 2015

Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán và Tư vấn Thuế AAT
Phó Giám đốc

M.S.D.N: 0102283607 - C.T.N.H.H - CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DỊCH VỤ KIỂM TOÁN KẾ TOÁN VÀ TƯ VẤN THUẾ AAT - Q. CẦU GIẤY - TP. HÀ NỘI

Nguyễn Xuân Hòa
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 0909 -2013-141-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Đại Hùng
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 1000-2013-141-1

Trụ sở chính:
Add: P.2407 Nhà 34T - Khu ĐTM Trung Hòa - Nhân Chính
Đường Hoàng Đạo Thuý - P. Trung Hòa - Q. Cầu Giấy - TP. Hà Nội
VPGD: P1501 - 17T5 - Đường Hoàng Đạo Thuý - TP. Hà Nội
Tel: 84.4.2.2210082/84.4.2.2413585 - Fax: 84.4.2.2210084
Email: info@aat.com.vn - Website: http://www.aat.com.vn - Tax Code: 0102283607

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh:
Add: Tầng 4 - Tòa nhà Mirae Business Center,
Số 268 Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, TP. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.3979 8188 - Fax: 84.8.3979 8189
Email: aat-hcm@aat.com.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**58.707.601.116**	**53.918.432.593**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**VI.1**	**6.867.689.867**	**5.195.883.677**
1. Tiền	111		6.867.689.867	5.195.883.677
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**42.910.025.408**	**43.996.799.063**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VI.3	25.853.164.943	26.643.022.543
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		11.884.818.591	11.553.947.601
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	VI.4	-	-
6. Các khoản phải thu khác	136	VI.4	5.172.041.874	5.799.828.919
7. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	**140**	**VI.5**	**8.697.655.119**	**4.701.752.253**
1. Hàng tồn kho	141		8.697.655.119	4.701.752.253
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**232.230.722**	**23.997.600**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.7	37.065.000	23.997.600
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		195.165.722	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**104.758.531.893**	**98.325.139.036**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**2.169.150.000**	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		2.169.150.000	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
II. Tài sản cố định	**220**		**57.367.703.667**	**53.197.300.523**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.6	57.367.703.667	53.197.300.523
- Nguyên giá	*222*		*59.710.756.363*	*54.518.523.636*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(2.343.052.696)*	*(1.321.223.113)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	*225*		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	*226*		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	*228*		-	*(11.000.000)*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		-	*11.000.000*
III. Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
- Nguyên giá	*231*		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	*232*		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**	**VI.8**	-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài h	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**VI.2**	**45.000.000.000**	**45.000.000.000**
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		30.000.000.000	30.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		15.000.000.000	15.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (dài	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**221.678.226**	**127.838.513**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.7	221.678.226	127.838.513
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**163.466.133.009**	**152.243.571.629**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**27.150.050.834**	**21.816.258.248**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**23.780.050.834**	**21.816.258.248**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.9	12.682.930.267	14.535.596.524
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	VI.10	2.244.649.051	1.713.714.755
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	VI.11	108.214.476	66.946.969
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	VI.8	8.451.349.000	5.500.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		292.908.040	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính pl	324		-	-
II. Nợ dài hạn	**330**		**3.370.000.000**	**-**
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		3.370.000.000	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**136.316.082.175**	**130.427.313.381**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**VI.12**	136.316.082.175	130.427.313.381
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		125.000.000.000	125.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*125.000.000.000*	*125.000.000.000*
- Cổ phiếu ưu đãi	*411b*		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		878.724.121	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		10.437.358.054	5.427.313.381
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**163.466.133.009**	**152.243.571.629**

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2015

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Thanh Minh	Nguyễn Hương Thảo	Nguyễn Thị Mai Hương

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	**VII.1**	**41.575.217.118**	**23.962.778.394**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VII.2	34.881.000	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		**41.540.336.118**	**23.962.778.394**
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.3	36.374.107.403	19.458.286.618
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**5.166.228.715**	**4.504.491.776**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.4	5.037.646.734	215.006
7. Chi phí tài chính	22		402.246.989	34.138.066
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*402.246.989*	*34.138.066*
8. Chi phí bán hàng	25		440.320.215	10.000.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.8	1.425.713.938	621.987.945
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**7.935.594.307**	**3.838.580.771**
11. Thu nhập khác	31	VII.5	-	145.000
12. Chi phí khác	32	VII.6	10.367.597	-
13. Lợi nhuận khác	**40**		**(10.367.597)**	**145.000**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**7.925.226.710**	**3.838.725.771**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.743.549.876	844.519.670
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	**60**		**6.181.676.834**	**2.994.206.101**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		495	420
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71			

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2015

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Thanh Minh	Nguyễn Hương Thảo	Nguyễn Thị Mai Hương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		29.867.694.535	3.613.776.000
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(27.660.307.686)	(11.155.599.569)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.905.372.364)	(1.510.563.653)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(393.707.914)	(34.138.066)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(1.020.668.551)	
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		51.197.255.362	4.029.691.646
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(54.572.122.092)	(5.903.718.101)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**(4.487.228.710)**	**(10.960.551.743)**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.192.226.727)	(20.480.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(20.000.000.000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		20.000.000.000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.029.912.627	215.006
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		**(162.314.100)**	(20.479.784.994)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			30.760.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		12.369.601.044	12.922.036.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(6.048.252.044)	(9.856.036.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**6.321.349.000**	**33.826.000.000**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**		**1.671.806.190**	**2.385.663.263**
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**5.195.883.677**	**1.121.909**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	**70**	**VII.34**	**6.867.689.867**	**2.386.785.172**

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2015

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Thanh Minh	Nguyễn Hương Thảo	Nguyễn Thị Mai Hương